THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 314/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch "Nâng cao năng lực nghiên cứu về dân số và phát triển đến năm 2030"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch "Nâng cao năng lực nghiên cứu về dân số và phát triển đến năm 2030" (sau đây viết tắt là Kế hoạch) với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường tiềm lực nghiên cứu về dân số và phát triển, nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cao năng lực trình độ nghiên cứu chuyên sâu, đẩy mạnh thực hiện nghiên cứu toàn diện về dân số và phát triển để cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ việc triển khai các giải pháp hướng tới mục tiêu đề ra trong chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025

+ Cả nước có từ 2 đến 5 tổ chức đủ năng lực nghiên cứu chuyên sâu về dân số và phát triển; đến năm 2030 có từ 5 đến 8 tổ chức đủ năng lực nghiên cứu chuyên sâu về dân số và phát triển.

+ Có ít nhất 5 công bố về dân số và phát triển trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc ISI hoặc Scopus; 30 công bố trên các tạp chí khoa học trong nước; 5 nghiên cứu sinh thực hiện luận án, 15 thạc sỹ được đào tạo trong khuôn khổ nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Kế hoạch;

- Đến năm 2030

+ Các nghiên cứu khoa học công nghệ về dân số và phát triển được nghiên cứu, phát triển ngang tầm khu vực và thế giới; một số công nghệ Y - sinh học chuyên sâu phục vụ việc tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, dự phòng, điều trị và phục hồi chức năng trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi được nghiên cứu, phát triển đạt trình độ ngang tầm thế giới được ứng dụng tại Việt Nam.

+ Có ít nhất 10 công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc ISI hoặc Scopus; 30 công bố trên các tạp chí khoa học trong nước; 10 nghiên cứu sinh thực hiện luận án, 30 thạc sỹ được đào tạo trong khuôn khổ nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Kế hoạch.

- Hình thành mạng lưới liên kết các cơ sở nghiên cứu, các nhà khoa học về dân số và phát triển trong nước và quốc tế. Tăng cường chia sẻ, phổ biến và phối hợp thực hiện các nghiên cứu khoa học và đào tạo. Hình thành cơ sở dữ liệu dân số và phát triển phục vụ nghiên cứu, xây dựng chính sách về dân số và phát triển.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu về dân số và phát triển

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước về dân số và phát triển cho cán bộ nghiên cứu, quản lý trong lĩnh vực y tế - dân số.

- Thực hiện lồng ghép, gắn kết việc nâng cao năng lực cán bộ nghiên cứu về dân số và phát triển với các nhiệm vụ đào tạo cán bộ có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho cán bộ nghiên cứu về dân số và phát triển tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế, khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu về dân số và phát triển trên các tạp chí quốc tế uy tín.

2. Nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật cho các tổ chức nghiên cứu về dân số và phát triển

- Nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật cho các tổ chức có chức năng nghiên cứu chuyên sâu và tổ chức có hoạt động nghiên cứu về dân số và phát triển tạo điều kiện thuận lợi triển khai công tác đào tạo, nghiên cứu về dân số và phát triển;

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu về dân số và phát triển; xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ triển khai các chương trình, dự án liên quan đến dân số và phát triển.

3. Tổ chức triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ về dân số và phát triển

- Nghiên cứu toàn diện, đồng bộ các vấn đề dân số và quan hệ, tác động của dân số với phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng về các mặt: duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hài hoà, hợp lý; lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực; nâng cao chất lượng dân số;

- Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước về dân số và phát triển. Tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa dân số và phát triển phục vụ xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển ngành, lĩnh vực; phát triển kinh tế - xã hội địa phương và quản lý điều hành công tác dân số. Phát triển công nghệ y - sinh học nhằm tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh ngang tầm khu vực và thế giới; dự phòng, điều trị và phục hồi chức năng trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi;

- Hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số và phát triển kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; bảo đảm cung cấp đủ các thông tin, số liệu phục vụ nghiên cứu và lồng ghép yếu tố dân số vào công tác lập kế hoạch phát triển ở các ngành, các cấp.

4. Hình thành mạng lưới liên kết giữa cơ sở nghiên cứu và nhà khoa học về dân số và phát triển tại Việt Nam thông qua các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; tăng cường truyền thông về dân số và phát triển.

5. Tăng cường hội nhập quốc tế trong nghiên cứu về dân số và phát triển. Thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế song phương, đa phương, tăng cường trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, kết quả hoạt động nghiên cứu về dân số và phát triển.

III. KINH PHÍ

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về phân cấp, quản lý, trong đó: chi thực hiện các nhiệm vụ về nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật theo các nội dung của Kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu, hợp tác quốc tế và thực hiện các nhiệm vụ khác của Kế hoạch. Việc quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Kinh phí của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch.

3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Chủ trì, tổ chức xây dựng, triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia về dân số và phát triển bảo đảm chất lượng;

- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; phối hợp với Bộ Y tế định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ; tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Bộ Y tế

- Chủ trì, tổ chức xây dựng, triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Tăng cường hợp tác giữa các tổ chức có chức năng nghiên cứu khoa học về dân số và phát triển trong và ngoài nước. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dân số và phát triển kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ nghiên cứu, xây dựng chính sách về dân số và phát triển;

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, tổ chức nghiên cứu lồng ghép các yếu tố dân số (quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số) vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của cả nước theo đặc thù từng vùng, từng ngành, từng địa phương.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, tổ chức nghiên cứu về chính sách an sinh xã hội cho trẻ em, người cao tuổi và các nhóm dân số dễ bị tổn thương, việc làm cho người cao tuổi; các vấn đề về di dân, khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của người di cư; tận dụng hiệu quả dân số vàng.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được phân công, bố trí kinh phí và huy động nguồn lực tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch. Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: KTTH, KSTT, TCCV, TKBT;
- Lưu: VT, KGVX (2) vt.23

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc